

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST
Ngày 25-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Nhượng;

+ Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Trần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc N; tên gọi khác: không có; sinh ngày: 19/10/1989, tại huyện S, tỉnh N; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện S, tỉnh N; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 9/12; bị cáo là con ngoài giá thú của bà Trần Thị N, sinh năm: 1965; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 14/4/2021, bị Công an xã T, huyện S ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo đã nộp phạt xong.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 221/2014/HSPT ngày 29/10/2014 của TAND thành phố Đ xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; đã chấp hành xong hình phạt ngày 18/7/2017 và đã nộp xong án phí ngày 28/3/2015.

+ Ngày 19/10/2020, bị Công an tỉnh N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt.

- *Bị hại*: bà Đinh Thị B, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn D, xã T, huyện S, tỉnh N; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 29/6/2021, bị cáo Nguyễn Ngọc N từ nhà tại thôn P, xã T đến cửa hàng xăng dầu Quế Bộ của bà Đinh Thị B thuộc thôn T, xã T, huyện S để đổ xăng thì thấy có nhiều tấm song chắn rác rãnh thoát nước (bằng kim loại) trước cửa hàng xăng dầu thì nảy sinh ý định trộm cắp. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo đi bộ đến cửa hàng xăng dầu Quế Bộ, quan sát thấy không có ai nên bị cáo đã lấy trộm 03 tấm song chắn rác ra khỏi rãnh thoát nước của cửa hàng xăng dầu rồi bị cáo mang đến cơ sở mua bán phế liệu của bà Nguyễn Thị H để bán lấy tiền. Tại đây, bà H hỏi bị cáo số song chắn rác này ở đâu mà có thì bị cáo trả lời là sắt ở nhà mang đi bán phế liệu nên bà H đồng ý mua 03 tấm song chắn rác với giá 380.000đ (*Ba trăm tám mươi nghìn đồng*). Sau khi bán xong, bị cáo quay lại cửa hàng xăng dầu Quế Bộ tiếp tục trộm 02 tấm song chắn rác tương tự rồi mang đến bán cho bà H với giá 255.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền 635.000 đồng có được từ việc bán tài sản trộm cắp, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 30/6/2021, bà Đinh Thị B có đơn báo cáo gửi Công an huyện S về việc mất trộm 05 tấm song chắn rác rãnh thoát nước bằng gang thép tại cửa hàng xăng dầu Quế Bộ.

Quá trình điều tra, bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình vào ngày 29/6/2021.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 02/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S xác định: 05 tấm song chắn rác rãnh thoát nước bằng gang thép có kích thước (65×25×2)cm, mỗi tấm nặng 17kg, có tổng giá trị định giá là 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSQS ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017). Tuyên bố Nguyễn Ngọc N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Đinh Thị B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H đã nhận lại số tiền 635.000đ do bị cáo N hoàn trả và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: tài sản trộm cắp đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S trả lại cho chủ sở hữu là bà Đinh Thị B theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị cáo thống nhất với hành vi phạm tội theo như cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tại phiên tòa và không trình bày gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo nhận thấy hành vi trộm cắp của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 29/6/2012 tại cửa hàng xăng dầu Quế Bộ thuộc thôn T, xã T, huyện S bị cáo đã có ý định từ trước, quan sát thấy không có ai trông coi nên đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút trộm cắp của bà Đinh Thị B 05 tấm song chắn rác rãnh thoát nước bằng gang thép với tổng giá trị tài sản định giá là 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu

tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo N có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được điều đó, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản với mục đích tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không có tiền án và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 01 tiền sự: ngày 14/4/2021, bị Công an xã T, huyện S ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo có nhân thân xấu: ngày 29/10/2014 bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; ngày 19/10/2020, bị Công an tỉnh N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, vì vậy cần thiết phải cách phải ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị H đã mua 05 tấm song chắn rác rãnh thoát nước bằng gang thép do bị cáo N bán nhưng bà H không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không có cơ sở để xử lý bà H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: bị hại bà Đinh Thị B đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H đã nhận lại số tiền 635.000đ (*Sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) do bị cáo N hoàn trả và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại tài sản bị mất cho chủ sở hữu hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: bị cáo Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền

kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc N 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc N phải chịu là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25-11-2021). Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- VKSND huyện S;
- Văn phòng Công an huyện S;
- Cơ quan CSĐT CA huyện S;
- Phòng hồ sơ CA huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Bị cáo, người TGGT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen